

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 29 - 5 - 2020

“V/v: Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Dự

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Hoàng Viết Oanh

- Ông Bùi Ngọc Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Đinh Văn Hải - kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 961/2019/TLST-HNGĐ ngày 11/12/2019 về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2020/QĐXX-HNGĐ ngày 20/3/2020, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Phan Thị Tuyết M – sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn X, xã EK, huyện CK, tỉnh Đắk Lắk (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

*** Bị đơn:** Ông Nguyễn Viết T – sinh năm 1988.

Địa chỉ: Thôn Y, xã HT, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phan Thị Tuyết M trình bày:**

Tôi và anh Nguyễn Viết T kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HT, thành phố B vào ngày 29/05/2018. Trong quá trình chung sống thời gian đầu cuộc sống hôn nhân hạnh phúc, cho đến tháng 11/2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do không cùng quan điểm chăm sóc con và quan

điểm sống khác nhau. Vợ chồng chúng tôi đã sống ly thân từ cuối tháng 9/2019 đến nay.

Trong thời gian đầu sống ly thân anh có ghé thăm con vài lần đến cuối tháng 10/2019 cho đến nay anh không về thăm con, không trợ cấp nuôi con và anh đã chặn mọi liên hệ, tôi nghĩ anh T không còn muốn tiếp tục hôn nhân, không còn tình cảm gì với mẹ con tôi nữa nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Nguyễn Viết T.

Về con chung, chúng tôi có 01 con chung là cháu Nguyễn Hoàng B – sinh ngày 15/11/2018 hiện nay cháu B còn nhỏ và từ khi ly thân đến nay tôi là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu B. Hiện nay tôi có việc làm và thu nhập ổn định đảm bảo cho cuộc sống của tôi và con nên đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được trực tiếp nuôi dưỡng cháu B cho đến tuổi trưởng thành, tôi không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Nguyễn Viết T đã được Tòa án tiến hành triệu tập nhiều lần, tuy nhiên ông không đến Tòa án làm việc nên Tòa án không lấy lời khai của ông T được và không tiến hành phiên hòa giải cho các đương sự được.

* Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương: Ông Nguyễn Viết T có đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện nay vẫn đang sinh sống tại thôn Y, xã HT, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk. Về mâu thuẫn vợ chồng: Vợ chồng ông Nguyễn Viết T và bà Phan Thị Tuyết M có phát sinh mâu thuẫn. Tuy nhiên nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn thì địa phương không nắm rõ nên không cung cấp. Đối với yêu cầu xin ly hôn của bà Phan Thị Tuyết M thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu quan điểm:***

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Bà Phan Thị Tuyết M và ông Nguyễn Viết T kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật vào ngày 29/5/2018, thời gian đầu ông bà sống hạnh phúc nhưng sau phát sinh mâu thuẫn, do

bất đồng quan điểm. Nay bà M nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, đề nghị Tòa án giải quyết cho bà M được ly hôn với ông T là có căn cứ nên cần chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Phan Thị Tuyết M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Viết T, có địa chỉ tại thành phố B, vụ án không có yếu tố nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Phan Thị Tuyết M vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Nguyễn Viết T nhưng tại phiên tòa hôm nay ông T vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Mừng, ông T theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Tuyết M và ông Nguyễn Viết T tự nguyện sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã HT, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (*Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 61/2018 ngày 29/5/2018*), đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, hiện nay ông bà không còn sống chung với nhau. Bà M xác định tình cảm vợ chồng giữa bà và ông T không còn.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng bà M, ông T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Việc bà M yêu cầu ly hôn với ông T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về con chung: Bà Phan Thị Tuyết M và ông Nguyễn Viết T có 01 con chung là cháu Nguyễn Hoàng B - sinh ngày 15/11/2018, hiện nay cháu B đang do bà M trực tiếp nuôi dưỡng.

Quá trình giải quyết vụ án bà M có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu B đến khi thành niên, Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay cháu B dưới 36 tháng tuổi và đang do bà M trực tiếp nuôi dưỡng, từ khi ông bà không sống chung với nhau thì ông T không quan tâm chăm sóc cháu. Do đó, để đảm sự phát triển về thể chất và tinh thần, xuất phát từ lợi ích về mọi mặt của cháu Nguyễn Hoàng B, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu B cho bà Phan Thị Tuyết M trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Phan Thị Tuyết M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà Phan Thị Tuyết M không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Phan Thị Tuyết M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 241; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị Tuyết M.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Tuyết M được ly hôn với ông Nguyễn Viết T

[2] Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Hoàng B - sinh ngày 15/11/2018 cho bà Phan Thị Tuyết M nuôi dưỡng đến khi thành niên.

Ông Nguyễn Viết T có quyền và nghĩa vụ thăm non, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn bà Phan Thị Tuyết M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0005431 ngày 10/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP BMT;
- Chi cục THADS TP BMT;
- UBND xã HT, TP.BMT;
- Các đương sự;
- Lưu HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Huỳnh Văn Dự